

EVERYDAY ENGLISH FROM AUSTRALIA – Series 2

TIẾNG ANH THÔNG DỤNG Ở AUSTRALIA – Loạt 2

Bài 15: describing locations (mô tả nơi chốn, vị trí)

Part 1 - THE DIALOGUE (đối thoại)

Chị Mai Linh sẽ tả cho các bạn nghe buồng ngủ của chị ấy.

Dialogue 1:

MAI LINH: My bedroom is a square room with a door in the middle of one wall. Opposite the door is a window and below the window is my desk and chair. Standing in my doorway, I can see my wardrobe, which takes up the entire wall on my left, and I can see my bed lying against the wall on my right with its head against the same wall as the window. Between the bed and the window is a small table. Near the foot of my bed and against the wall behind the door is a chest of drawers.

Chị Mai Linh sẽ kể tiếp cho các bạn nghe một số đồ đạc kê ở trong buồng ngủ.

Dialogue 2:

MAI LINH: There's a clock on the little table. There are some books on the desk, and behind the books is a lamp. My slippers are under the bed. On the wall above the bed head is a photograph of my parents. In the middle of the room there's a small round rug.

Anh Terry sẽ tả phòng làm việc của anh ấy.

Dialogue 3:

TERRY: My office is a rectangular room with no windows. The door is in the centre of a shorter wall. Against the wall opposite the door are my desk and chair. In the corner on the left of my desk is a filing cabinet and opposite the filing cabinet in the corner behind the door, is another filing cabinet. In the middle of the longer wall to the right of the door and against the wall, is a long table and against the wall opposite the table is a bookcase.

Part 2 - VOCABULARY (từ vựng)

a bed head ['bed hɛd]	đầu giường
a book case ['bʊk_keɪs]	tủ sách
a chest of drawers [tʃɛst_ɔv 'drɔz]	tủ com-mốt (có nhiều ngăn kéo rộng)
a doorway ['dɔweɪ]	cửa ra vào
a filing cabinet ['faɪlɪŋ kæbɪnɛt]	tủ đựng tài liệu
foot of the bed ['fʊt_ɔv ðə 'bed]	chân giường
a pot plant ['pɒt plant]	cây cảnh
slippers ['slɪpəz]	dép đi trong nhà
a typewriter ['taɪpraɪtə]	máy chữ
a wardrobe ['w:ɑdrɔɪb]	tủ quần áo
entire [ən 'taɪə]	toàn bộ
against [ə 'geɪnst]	dựa vào, áp vào

behind

[bə 'haɪnd]

phía sau**below**

[bə 'ləʊ]

phía dưới**between**

[bə 'twɪn]

giữa, ở giữa**in the centre**

[ɪn ðə 'sɛntə]

ở trung tâm**opposite**

['ɒpəzɪt]

đối diện**Part 3 – LESSON: describing locations** (mô tả nơi chốn, vị trí)

Khi tả đồ vật, chúng ta cần phải nói rõ chúng ở đâu bằng những giới từ như: **'IN'** (ở trong) hay **'ON'** (ở trên, tại.) Thí dụ:

The bread is **in** the cupboard **on** the shelf.**Bánh mì để trong ngăn tủ trên cái giá.**The shop is **on** the corner.**Cửa hàng ở góc đường.**The television is **in** the corner.**Máy truyền hình đặt ở góc nhà.**

Chú ý: Có sự khác nhau giữa nhóm từ **'in front of'** và **'opposite'**. Từ **'opposite'** thường mang nghĩa đối diện, trong khi nhóm từ **'in front of'** không mang nghĩa đó **'Next to'**, **'near'** và **'by'** để chỉ những vật gì rất gần những vật khác. Thí dụ:

- The chair is **next to** the desk.

Cái ghế ở gần cái bàn giấy.

- The chair is **near** the desk.

- The chair is **by** the desk.

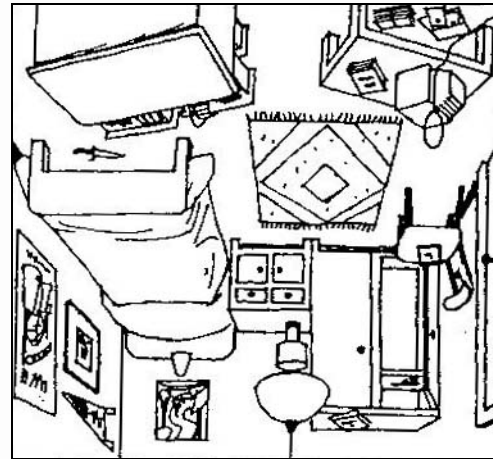
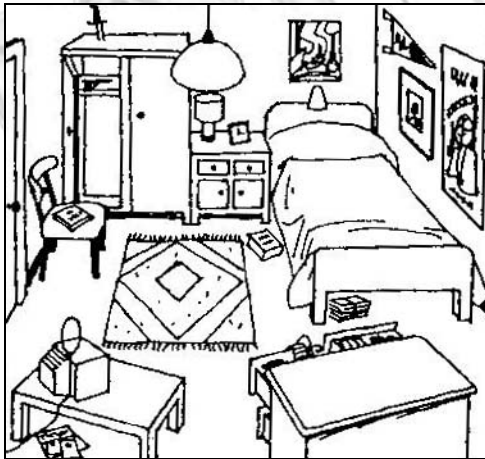
Part 4 - PRONUNCIATION (phát âm)

Có nhiều giới từ được bắt đầu bằng một nguyên âm. Các bạn luyện đọc các từ sau và cố gắng phân biệt sự khác nhau:

/i/	/ɒ/	/ʌ/
in	on	under
ring	wrong	rung
sing	song	sung
middle	model	muddle

Part 5 - PRACTICE (luyện tập)

Bạn hãy nhìn vào hai bức ảnh sau đây và nói rõ các điểm khác nhau. Bạn nên rủ một bạn khác cùng làm bài tập này. Các bạn hãy hỏi nhau các câu hỏi về vị trí của đồ vật để tìm ra sự khác nhau.



Part 6 – THE SERIAL (chuyện đọc từng kỳ)

Vocabulary:

to arrest

bắt giữ

Episode 15:

Detective Baker left, and Diana went to bed. 'She's very calm.' I said. 'Do you think she's all right?'. 'She's too calm,' was Judy's reply. 'She isn't upset at all. I don't believe she cares about her father. There's something strange about that young woman.'

Mandy looked at her watch, and said that Ben would be home. She would call him to tell him the news about Henry Cotton. She went to the phone, which was on the wall in the kitchen, and closed the door. I winked at Judy. 'Romance is in the air,' I said, and Judy smiled.

Next morning Diana had breakfast with us as usual. I looked at her closely. She was pale, and she was worried, but I didn't think that she's been crying.

'I'm going away for a few days,' she told us. 'Thank you for your kindness.' She didn't tell us where she was going, and she took all her things. I must say Judy and I were not sorry to see her go. Later that day the detective came to our place again, wanting to see Diana, but we couldn't tell him where she was.

'Never mind,' the detective said. 'If we need her, we'll find her.'

'Did Cotton kill himself?' I asked.

'Well... it certainly looks like it. Why? Do you know something about it?'

'I knew Cotton,' I said. 'He was a very famous scientist. He was working on an important project. He was about to make an important discovery. I don't believe he would kill himself, that's all.' The detective looked at me sternly.

'Is there something else you want to tell us, sir?' he asked.

'Yes,' I said. I went to the bedroom and took the briefcase from under the bed. I went back to the living room and gave it to Detective Baker.

'What's this, then?' he asked. And I told him everything I knew.

END OF LESSON 15



bay vut

ENGLISH LEARNING SERIES

English from Australia

COPYRIGHT NOTICE:

'Everyday English From Australia' lessons were funded by AusAID (the Australian Government's aid agency) and produced by Radio Australia Vietnamese Service in co-operation with Voice of Vietnam. Script advice was provided by the English Language Centre, Victoria University (Melbourne).

'Everyday English From Australia' lessons form part of English learning content of BayVut website (www.bayvut.com) – a service provided by Radio Australia.



ABC
Radio Australia
radioaustralia.net.au

© RadioAustralia 2006